

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LX  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/HNGĐ – ST  
Ngày: 10 – 12 – 2020  
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phạm Xuân Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 751/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Phú Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số X/Y, đường C, khóm B, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Hoài P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số X/Y, đường C, khóm B, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, tờ tự khai cùng ngày 02/11/2020, tại biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Phú Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P tự tìm hiểu nhau. Ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy

ban nhân dân phường B ngày 29/3/2006. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Những khi vợ chồng bất đồng thì bà P luôn yêu cầu ly hôn. Thời gian qua, ông cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành. Nhận thấy, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn bà P.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung chưa trưởng thành tên Lê Phương N sinh ngày 13/11/2006, Lê Quốc H sinh ngày 24/11/2008. Do các con có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ ông đồng ý để bà P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông là tài xế lái xe ô tô và có xe để cho thuê nhưng hiện nay ông đã giao xe cho bà P trọn quyền sở hữu nên thu nhập hàng tháng của ông chỉ khoảng 10.000.000 đồng, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân, trả nợ ngân hàng thì ông không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà P. Ông tự nguyện cấp dưỡng với mức là 3.000.000 đồng/tháng/01 người con.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Theo bản tự khai đề ngày 17/11/2020 và ngày 24/11/2020, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Lâm Hoài P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q tự quen biết, tìm hiểu nhau từ khi còn đi học, ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như ông Q trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay, qua yêu cầu ly hôn của ông Q, bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Q có hai con chung chưa trưởng thành tên Lê Phương N sinh ngày 13/11/2006, Lê Quốc H sinh ngày 24/11/2008. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Bà không đồng ý nhận cấp dưỡng như ông Q đã tự nguyện mà yêu cầu ông Q mỗi tháng phải cấp dưỡng cho bà nuôi con 5.000.000 đ/01 người con. Nguyên nhân bà có yêu cầu mức cấp dưỡng trên là do các con đã lớn, chi phí sinh hoạt hàng ngày cao. Cụ thể như tiền ăn uống là 2.000.000 đồng/01 người con, tiền học thêm khoảng 1.500.000 đồng/01 người

con. Ngoài ra, còn các chi phí phát sinh khác như ăn vặt, dầu gội, sữa tắm... Nghề nghiệp của bà là bán bánh bông lan thu nhập không ổn định. Sau khi ly hôn bà phải thuê nhà để ở nên phải tốn nhiều chi phí. Mặt khác, ông Q là tài xế xe ô tô, có xe ô tô riêng cho thuê thêm nên mức thu nhập hàng tháng là trên 20.000.000 đồng do đó ông Q có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà đã tự thỏa thuận xong.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Tranh chấp giữa ông Lê Phú Q và bà Lâm Hoài P là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phú Q và bà Lâm Hoài P tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 45/2014 quyển số 01/2006 ngày 29/3/2006, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ông Q và bà P thừa nhận, quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận ly hôn của ông bà không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2.] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung chưa trưởng thành tên Lê Phương N sinh ngày 13/11/2006, Lê Quốc H sinh ngày 24/11/2008. Ông Q, bà P thống nhất bà P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung khi ông bà ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3.] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, phía bà P không cung cấp được tài liệu để chứng minh mức thu nhập hàng tháng của ông Q là 20.000.000 đồng nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định được khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Từ đó không có cơ sở chấp

nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà P. Nhận thấy, sự tự nguyện của ông Q về việc cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng 3.000.000 đồng là cao hơn mức cấp dưỡng mà pháp luật quy định và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4.] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5.] **Về án phí:** Ông Q phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0007796 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX. Ông Q còn phải nộp thêm 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông Lê Phú Q và bà Lâm Hoài P.
- Về con chung: Ông Q và bà P có 02 (hai) con chung chưa trưởng thành tên Lê Phương N sinh ngày 13/11/2006, Lê Quốc H sinh ngày 24/11/2008. Bà P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 6.000.000 đ/02 người con (Mức cấp dưỡng cho một người con mỗi tháng là 3.000.000 đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà P cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không có định.

**- Về tài sản chung và nợ chung:** Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Ông Q phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Số tiền này được trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0007796 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX. Ông Q còn phải nộp thêm 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Ông Q và bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Phạm Xuân Khanh**